

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN N  
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 78/2022/HNGĐ - ST

Ngày: 23-9-2022

V/v tranh chấp: “Ly hôn, nuôi con chung”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N, TỈNH ĐỒNG NAI**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

***Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:*** Ông Trần Tiến Nghĩa

***Các Hội thẩm nhân dân:*** 1. Võ Hồng Đăng

2. Phạm Sơn Điền

***Thư ký phiên tòa:*** Chị Quân Thu Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân huyện N.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên tòa:*** Bà Đặng Vân Hoàng Yến - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 06/2022/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 01 năm 2022 về tranh chấp “Ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 764a/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 8 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 828/2022/QĐST-HNGĐ ngày 06 tháng 9 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Trần Thanh S, sinh năm 1994.

Địa chỉ thường trú: Ấp Phú Thạnh 3, xã Đ, huyện L, tỉnh Vĩnh Long.

Nơi ở hiện nay: Ấp B, xã P, huyện N, tỉnh Đồng Nai.

2. *Bị đơn:* Chị Hồ Thị Thanh T, sinh năm 1997;

Địa chỉ thường trú: Thôn T, xã V, huyện V, tỉnh Khánh Hòa.

Nơi ở hiện nay: Ấp B, xã P, huyện N, tỉnh Đồng Nai.

(Anh S vắng mặt, chị T vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* Theo đơn khởi kiện ngày 22/12/2021, Bản tự khai ngày 14/1/2022 nguyên đơn anh Trần Thanh S trình bày như sau:

Anh S và chị T tự nguyện tìm hiểu và kết hôn với nhau năm 2017, đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện L, tỉnh Vĩnh Long và được cấp giấy chứng nhận kết hôn. Vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến năm 2019 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm, thường xuyên gây gỗ cãi vã. Hai vợ chồng đã cố gắng hàn gắn tình cảm nhưng không có kết quả nên đã ly thân khoảng 02 năm nay. Nay hôn nhân không hạnh phúc, vợ chồng không còn tình cảm, mục đích hôn nhân không đạt được nên Anh S yêu cầu Tòa án giải quyết để anh được ly hôn với chị T

- Con chung: Anh S, chị T có 01 con chung tên là Trần Hồ Hà M, sinh ngày 21/8/2017. Anh S yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu M và không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Tài sản chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã niêm yết hợp lệ giấy triệu tập và các văn bản tố tụng cho bị đơn chị Hồ Thị Thanh T nhưng chị không đến Tòa án tham gia tố tụng và cũng không cung cấp lời khai, tài liệu chứng cứ cho Tòa án.

**\* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:**

- Về tố tụng: Tòa án đã tiến hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc thụ lý vụ án, lấy lời khai, thu thập chứng cứ, công khai chứng cứ, tổng đạt các văn bản tố tụng cho người tham gia tố tụng, chuyển hồ sơ sang Viện kiểm sát đúng quy định. Tuy nhiên vi phạm về thời hạn chuẩn bị xét xử theo Điều 203 BLTTDS 2015. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn không chấp hành đúng quy định tại Điều 70, 72 BLTTDS, đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không đến Tòa án để tham gia tố tụng và cung cấp tài liệu, chứng cứ. Tại phiên tòa nguyên đơn Anh S có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn chị T đã được triệu tập lần 2 nhưng vẫn vắng mặt. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, 228, 238 tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là phù hợp với quy định của pháp luật.

Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điều 9 Luật hôn nhân gia đình 2014; điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Trần Thanh S. Về con chung: Giao cháu Trần Hồ Hà M, sinh ngày 21/8/2017 cho anh Trần Thanh S trực tiếp nuôi dưỡng, chị Hồ Thị Thanh T tạm thời không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung, nợ chung: Anh S khai không có nên không xem xét, giải quyết. Anh S phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo điều 27, Nghị Quyết

số 326/2016 /UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án và các bên được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ, các biên bản xác minh có trong hồ sơ vụ án, kết quả thảo luận tại phiên tòa hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Nguyên đơn anh Trần Thanh S có đơn xin vắng mặt, bị đơn chị Hồ Thị Thanh T đã được tổng đạt hợp lệ lần thứ 2 nhưng vắng mặt tại phiên tòa. Vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, 228, 238 của Bộ luật tố tụng dân sự để tiến hành xét xử theo quy định.

[2]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án, quan hệ tranh chấp và tư cách đương sự: Anh Trần Thanh S xin ly hôn với chị Hồ Thị Thanh T. Theo biên bản xác minh ngày 07/4/2022, chị T hiện có đăng ký tạm trú tại ấp Bến Cam, xã Phước Thiện, huyện N, tỉnh Đồng Nai nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện N có thẩm quyền giải quyết vụ án. Quan hệ pháp luật được xác định là “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung*”. Căn cứ Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự xác định nguyên đơn là anh Trần Thanh S, bị đơn là chị Hồ Thị Thanh T.

[3]. Về nội dung vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần Thanh S chung sống và đăng ký kết hôn với chị Hồ Thị Thanh T vào năm 2017 trên cơ sở tự nguyện tại UBND xã Đ, huyện L, tỉnh Vĩnh Long (Giấy chứng nhận kết hôn số 14 ngày 21/02/2017) nên căn cứ điều 9 Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam năm 2014 hôn nhân trên được xem là hợp pháp. Nay Anh S xin ly hôn với chị T vì vợ chồng hết tình cảm, không còn khả năng hòa giải đoàn tụ.

Căn cứ vào đơn khởi kiện ngày 22/12/2021, bản tự khai ngày 14/01/2022, các biên bản xác minh ngày 07/4/2022 xác định nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng Anh S, chị T bất đồng quan điểm, thường xuyên gây gổ cãi vã, dù đã cố gắng hàn gắn tình cảm nhưng không thành. Hiện nay, anh chị đã ly thân được khoảng 02 năm. Tòa án đã nhiều lần triệu tập chị T đến để hòa giải đoàn tụ nhưng chị không có mặt để hòa giải. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Anh S, xử cho Anh S được ly hôn với chị T là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4]. Về con chung: Theo lời khai của Anh S và biên bản xác minh tại địa phương ngày 07/4/2022 thì Anh S, chị T có 01 con chung là Trần Hồ Hà M, sinh ngày 21/8/2017. Khi ly hôn, Anh S có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng

cháu M. Xét việc giao con chưa thành niên cho ai nuôi dưỡng khi ly hôn cần căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con. Hiện Anh S là công nhân, thu nhập bình quân 11.000.000 đồng/tháng, có đủ khả năng để nuôi dưỡng con chung. Hơn nữa, Anh S khai anh là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu M từ khi con còn nhỏ cho đến nay; chị T không chăm sóc con. Xét thấy Anh S có nguyện vọng chăm sóc cháu M và có đủ điều kiện để nuôi dưỡng cháu. Do đó, Hội đồng xét xử giao con chung Trần Hồ Hà M cho Anh S trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại khoản 2, Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình 2014. Anh S không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Chị T có quyền được thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

[5]. Tài sản chung, nợ chung: Theo lời khai của Anh S và biên bản xác minh thì Anh S, chị T không có tài sản chung, nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6]. Về án phí: Anh S phải chịu toàn bộ án phí HNGĐ theo quy định.

Xét đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào điều 9 Luật hôn nhân gia đình 2014; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56; Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình 2014; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, Điều 227, 228, 238, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Trần Thanh S việc “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung*” đối với bị đơn chị Hồ Thị Thanh T.

1. Xử: Cho anh Trần Thanh S được ly hôn với chị Hồ Thị Thanh T.

2. Về con chung: Giao cháu Trần Hồ Hà M, sinh ngày 21/8/2017 cho anh Trần Thanh S nuôi dưỡng, tạm thời chị Hồ Thị Thanh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Chị T có quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được ngăn cản. Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết các đương sự được quyền xin thay đổi vị trí nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Không có nên không xem xét, giải quyết

4. Về nợ chung: Không có nên không xem xét, giải quyết.

5. Về án phí: Anh Trần Thanh S phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm. Chuyển số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng)

anh Trần Thanh S đã nộp tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0007126 ngày 29/12/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện N, tỉnh Đồng Nai sang thi hành án phí.

6. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ./.

***Nơi nhận:***

- Các đương sự;
- VKSND cùng cấp;
- Tòa án tỉnh; Thi hành án;
- UBND xã nơi ĐKKH;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Trần Tiến Nghĩa**